

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/6/2020.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hoàng

2. Bà Đỗ Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 180/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Phan Thị K, sinh năm 1973.

+ Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1964.

Cùng trú tại: Tổ 10, thôn T1, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

(Nguyên đơn bà K có mặt; bị đơn ông L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị K trình bày:

Bà và ông Nguyễn Ngọc L tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 1995 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình nên dẫn đến vợ, chồng thường xuyên cãi vã nhau. Ông L làm công việc là thợ hồ nên thường xuyên nhậu nhẹt về nhà gây gổ với mẹ con bà và cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay bà K thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa nên bà K xin tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc L.

- Về con chung: Bà K khai vợ chồng bà có 03 con chung tên là:

1. Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày: 11/11/1994;

2. Nguyễn Ngọc T, sinh ngày: 01/9/1996;

3. Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày: 27/7/2006.

Hiện nay hai cháu N và T đã đủ tuổi trưởng thành bà không yêu cầu Tòa giải quyết. Riêng cháu Nguyễn Ngọc T1 chưa đủ tuổi 18 tuổi nên bà K có nguyện vọng được nuôi cháu T1 đến 18 tuổi, trưởng thành. Bà K không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà K khai vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Nợ chung: Bà K khai vợ chồng không có nợ chung.

* Bị đơn ông Nguyễn Ngọc L không đến Tòa, không có bản tự khai, không có lời trình bày tại biên bản hòa giải. Tòa án đã tiến hành niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông L.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Phan Thị K. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà K, giao con chung là cháu T1 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng. Bà K không yêu cầu ông L cấp dưỡng nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn ông Nguyễn Ngọc L cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Các văn bản đã tổng đạt cho người nhà bị đơn, niêm yết tại nhà của bị đơn và tại UBND xã B, huyện T nơi bị đơn cư trú. Nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị K và ông Nguyễn Ngọc L có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 75 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 20/02/1995 nên bà K và ông L là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn bà K xác định vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vã xúc phạm lẫn nhau. Ông L thường xuyên nhậu nhẹt về nhà gây gỗ đánh đập vợ con nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Lâu nay bà và ông L đã sống ly thân nhau hơn 01 năm nay, vợ chồng phần ai nấy sống không quan tâm gì đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án muốn hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống làm ăn nuôi con, nhưng ông L không đến Tòa làm việc. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị K xin được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc L.

[3] Về con chung: Xác định trong thời kỳ hôn nhân và quá trình chung sống, vợ chồng bà K, ông L có 03 con chung tên là:

1. Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày: 11/11/1994;
2. Nguyễn Ngọc T, sinh ngày: 01/9/1996;
3. Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày: 27/7/2006.

Nguyên vọng của bà K nếu ly hôn bà K xin được nuôi cháu T1 đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Riêng 02 cháu N và T hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa giải quyết. Do bị đơn ông Nguyễn Ngọc L vắng mặt, Hội đồng xét xử không biết được nguyện vọng của ông L có muốn nuôi con hay không. Trong khi cháu T1 trước giờ sống ổn định với bà K. Bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời nguyện vọng của cháu T1 mong muốn được sống với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy ông L thực sự không mong muốn được nuôi con nên không đến Tòa án để có lời trình bày nên không thể giao con chung cho ông L nuôi dưỡng. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu T1 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế và đúng pháp luật. Còn 02 cháu T và N hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà K không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Bà K khai vợ chồng tự giải quyết tài sản chung không yêu cầu Tòa án quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung và cho mượn nợ: Bà K khai vợ chồng không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị K phải chịu số tiền: 300.000^d(Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Được tính trừ vào số tiền: 300.000^d(Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà K đã nộp theo biên lai thu số 0005293 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[8] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị K. Bà Phan Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc L.

2. Về con chung, nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung:

- Xác định vợ chồng Bà Phan Thị K và ông Nguyễn Ngọc L có 03 con chung tên là:

1. Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày: 11/11/1994;

2. Nguyễn Ngọc T, sinh ngày: 01/9/1996;

3. Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày: 27/7/2006.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị K: Giao cháu: Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 27/7/2006 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng.

Riêng 02 cháu Nguyễn Thị Thùy N và Nguyễn Ngọc T đến nay đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Bà K không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà K khai vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Bà K khai không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị K phải chịu số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà K đã nộp theo biên lai thu số 0005293 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- UBND xã B.
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Đặng Phùng Thành